TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/03/2023
Về việc: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H,TỈNH THỪA THIÊN H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Phương Nam.

2. Bà Trần Thị Bích Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 781/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022; về việc: "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/03/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: 38/187 HV, phường AC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Yến P, sinh năm 1969; địa chỉ: 11/8 HĐD, phường AC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Toà án nhân dân thành phố H và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Ông Dương Văn T và bà Trần Thị Yến P tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/09/1994 tại Ủy ban nhân dân phường AC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 38/187 HV, phường AC, thành phố H. Ông T và bà P chung sống hạnh phúc được 03 năm thì bắt đầu phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa hai vợ chồng không tin tưởng, hay cãi vã gây gỗ nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Ông T và bà P đã sống ly

thân từ năm 1996 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết cho ông Dương Văn T được ly hôn với bà Trần Thị Yến P.

Về con chung: Ông T và bà P có 02 con chung khai sinh tên là: Dương Trần Hoàng V, sinh ngày 06/07/1995 và Dương Văn H, sinh ngày 30/10/1996. Hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa để bà P đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà P từ chối nhận văn bản tố tụng của Toà án và không đến Toà án làm việc.

Tại Biên bản xác minh ngày 17/02/2023, chính quyền địa phương phường AC, thành phố H cho biết: Ông Dương Văn T, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Yến P, sinh năm 1969 kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1994 tại địa chỉ 38/187 HV, phường AC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Ông T bà P chung sống với nhau được một thời gian đến khoảng năm 1996 thì bà P bồng con là Ông Dương Văn H, sinh ngày 30/10/1996 về nhà ngoại sống cho đến nay, để lại con là Ông Dương Trần Hoàng V, sinh ngày 06/07/1995 cho ông T nuôi và hai vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T và bà P hay gây gỗ, đánh đập nhau dẫn đến việc bà P bỏ nhà đi. Nay ông Dương Văn T yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Yến P thì đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51,Điều 237 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Dương Văn T, cho Ông Dương Văn T được ly hôn với bà Trần Thị Yến P.

- Về con chung: Ông T và bà P có 02 con chung tên là: Dương Trần Hoàng V, sinh ngày 06/07/1995 và Dương Văn H, sinh ngày 30/10/1996. Hai con đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Ông Dương Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Yến P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn T và Trần Thị Yến P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân phường AC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 15/09/1994, nên hôn nhân của ông T và bà P là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập bà P nhiều lần để hòa giải nhưng bà P vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ bà P thiếu thiện chí hòa giải để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Trong quá trình chung sống, ông T thừa nhận giữa vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng không tin tưởng nhau, vợ chồng thường xuyên cải vã, gây gỗ nhau. Hiện nay, ông T và bà P đã ly thân từ năm 1996 đến nay và mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên đoàn tụ nhưng không thành, ông T vẫn kiên quyết ly hôn với bà P.

Như vậy, xét thấy vợ chồng ông T, bà P mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T,cho ông T được ly hôn với bà P là đúng quy định của pháp luật như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Ông T và bà P có 02 con chung tên là: Dương Trần Hoàng V, sinh ngày 06/07/1995 và Dương Văn H, sinh ngày 30/10/1996. Cả hai con đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Dương Văn T, cho ông Dương Văn T được ly hôn với bà Trần Thị Yến P; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Ông Dương Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Dương Văn T khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Dương Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí giải quyết ly hôn; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà ông T đã nộp tại biên lai thu số AA/2021/0004699 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Ông T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục Thi hành án thành phố H;
- UBND phường AC, thành phố H (ĐKKH số 56 ngày 15/09/1994)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hương Lan